

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HS-ST

Ngày 03/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

2. Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại hội trường UBND xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2017/TLST-HS ngày 05/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Ma Văn L, sinh ngày 13/12/1994 tại xã Đ, huyện B, tỉnh H. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn N, sinh năm 1970 và bà Ma Thị E, sinh năm 1970; có vợ Mông Thị Y, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/5/2017 bị Công an huyện Chiêm Hóa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 18/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo Ma Văn L 01(Một) năm 03(Ba) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án số 31/2017/HSST; hiện nay bị cáo đang chấp hành án theo

Quyết định thi hành án phạt tù số: 85/2017/QĐ-CA, ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 18/3/2017. “Có mặt”.

- *Bị hại:* Anh Mai Trọng T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh H “Có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Bùi Ngọc S, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh H “Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 26/01/2017, Ma Văn L đi bộ một mình từ khu vực ngã ba Pắc Há, xã Quang Minh theo đường quốc lộ 279 để đi về nhà ở thôn X, xã Đ, huyện B. Trên đường đi, L gặp Mai Trọng T điều khiển xe mô tô BKS 23D1- 187.87, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS đi theo hướng đường Pắc Há - Liên Hiệp, khi gặp T dừng xe hỏi L “*có đi nhờ xe về không*” thì L đồng ý. Khi đi đến khu vực xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang, T đưa L vào nhà bạn của T là Bùi Quốc V chơi ở nhà V, còn T điều khiển xe mô tô BKS 23D1- 187.87 sang nhà bạn chơi. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 27/01/2017, T điều khiển xe đến nhà V đón L cùng về nhà T ở thôn L, xã B, huyện B. Về đến nhà T khoảng 10 giờ ngày 27/01/2017, T mời L ở lại ăn cơm trưa, L đồng ý, sau đó T và L cùng nhau mổ vịt, trong khi đang mổ vịt, L hỏi T mượn chiếc xe mô tô BKS 23D1 - 187.87 để đưa vợ của L là Mông Thị Y từ xã Liên Hiệp vào xã Đức Xuân và vay T 1.000.000 đồng, T đồng ý, giao xe cho L và đưa cho L 1.000.000 đồng. Sau khi mượn được xe, L điều khiển xe đến trung tâm xã Liên Hiệp chơi đến chiều, sau đó đến thôn Đ, xã L, huyện B cách nhà bố, mẹ vợ của L khoảng 01 km, rồi lấy điện thoại ra gọi hỏi Y “*có tiền ăn tết không*”, Y trả lời là “*không có*”. Khi đó L nảy sinh ra ý định đem chiếc xe mô tô BKS 23D1- 187.87 của T đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân nên khi T gọi điện thoại hỏi L đã về đến nhà chưa, L nói dối T là đã đến nhà và đang quay lại nhà T ăn cơm, sau đó L tắt nguồn điện thoại rồi điều khiển xe xuống thành phố Hà Nội. Chiều ngày 28/01/2017, L đã đem bán chiếc xe BKS 23D1- 187.87 cho một người đàn ông không quen

biết ở khu vực thành phố Hà Nội được 5.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan công an đã thu giữ của anh T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô , xe máy số 001814, tên chủ xe Bùi Ngọc S, sinh năm 1968, địa chỉ: xã K, huyện B cấp cho xe mô tô BKS 23D1-187.87 ngày 11/02/2015; đối với chiếc xe mô tô BKS 23D1 - 187.87, L khai bán cho một người không quen biết ở khu vực thành phố Hà Nội, khi bán xe không làm giấy tờ mua bán nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang không thu giữ được.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 23/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô BKS 23D1-187.87, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS có giá là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số 30/QĐ-KSĐT ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Ma Văn L về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại là anh Mai Trọng T khai: Ngày 27/01/2017, tại gia đình anh thuộc thôn M, xã K, huyện B anh có cho bị cáo Ma Văn L mượn xe mô tô BKS 23D1- 187.87, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS để L đi đón vợ và cho L 1.000.000 đồng. Đến 11 giờ T gọi điện thì L bảo đang quay lại sau đó thì tắt máy luôn. T đã làm đơn trình báo đến cơ quan Công an huyện yêu cầu bị cáo Ma Văn L bồi thường giá trị xe cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Bùi Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong giai đoạn điều tra anh S có lời khai đã bán chiếc xe mô tô BKS 23D1- 187.87, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS cho anh Mai Trọng T, hai bên đã làm giấy mua bán và đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Do vậy anh S không có yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ma Văn L phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; áp dụng điểm a khoản 1 Điều

140, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ma Văn L từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Bùi Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 191 của Bộ luật Tố tụng Hình sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Ngọc S.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Ma Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, bị cáo khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 27/01/2017, tại nhà bà Mai Thị Đ thuộc thôn L, xã B, huyện B, bị cáo Ma Văn L được anh Mai Trọng T cho mượn xe mô tô BKS 23D1- 187.87, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS để đi đón vợ. Sau khi được anh Mai Trọng T giao xe do hết tiền tiêu sài cá nhân bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt, đã mang xe đi bán được 5.000.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng và giá trị chiếc xe theo kết luận của Hội đồng định có giá là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Ma Văn L phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của bị cáo Ma Văn L như nêu trên đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo Ma Văn L không có tình tiết tăng nặng, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trong đó một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự là tại phiên tòa người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về nhân thân bị cáo thấy rằng, ngày 25/5/2017 bị Công an huyện Chiêm Hóa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vào ngày 24/10/2016 và đến ngày 18/7/2017 bị Tòa án huyện Chiêm hóa xử phạt 1 năm 3 tháng tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với hành vi chiếm đoạt ngày 25/10/2016. Đây là những hành vi vi phạm trước nhưng được xử lý và xét xử sau khi có hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Mai Trọng T, không được coi là tiền, án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân không tốt. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một người công dân có ích cho xã hội. Do bị cáo đang bị chấp hành án lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, nên cần tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo Ma Văn L vay của anh Mai Trọng T. Tại phiên tòa bị cáo khai sẽ trả số tiền vay trên cho anh T, anh T cho rằng số tiền này anh đã cho bị cáo L nên anh không yêu cầu. Xét đây là quan hệ dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Trước khi mở phiên tòa, người bị hại, bị cáo thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại, theo đó bị cáo Ma Văn L bồi thường cho người bị hại là anh Mai Trọng T số tiền là 16.000.000 đ (Mười sáu triệu đồng), theo phương thức thanh toán làm một lần, vào ngày 01/12/2017. Xét thấy, bị cáo và người bị hại thỏa thuận về bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[5] *Về xử lý vật chứng:* Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 001814, tên chủ xe Bùi Ngọc S, sinh năm 1968, địa chỉ: xã K, huyện B, tỉnh H, cấp cho xe mô tô BKS 23D1-187.87, ngày 11/02/2015 thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Mai Trọng T nên cần trả lại cho anh T.

[6] **Về án phí:** Bị cáo Ma Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Ma Văn L phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo Ma Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án: Bản án số 31/2017/HSST, ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang và Bản án số 33/2017/HSST, ngày 03/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang là 2 (Hai) năm 9 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/3/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại như sau:

Bị cáo Ma Văn L bồi thường cho người bị hại là anh Mai Trọng T số tiền là 16.000.000 đ (Mười sáu triệu đồng), theo phương thức thanh toán làm một lần, vào ngày 01/12/2017.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho anh Mai Trọng T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô , xe máy số 001814, tên chủ xe Bùi Ngọc S, sinh năm 1968, địa chỉ: xã K, huyện B cấp cho xe mô tô BKS 23D1-187.87 ngày 11/02/2015.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 19/10/2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Ma Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang(GĐ);
- VKSND huyện Bắc Quang(GS);
- Những người tham gia tố tụng(TH);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang(TH);
- Cơ quan Công an huyện(TH);
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hồng

